

TỰ HỌC TIẾNG HÀN DÀNH CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

Tự học tiếng Hàn dành cho người mới bắt đầu

Bản quyền © thuộc Công ty Cổ phần sách MCBooks.

Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty Cổ phần sách MCBooks và nhóm tác giả The Changmi - Tuyết Mai (Chủ biên).

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của tác giả và Công ty Cổ phần sách MCBooks đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật xuất bản Việt Nam, Luật bản quyền quốc tế, và công ước Berne về bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ.

MCBooks
KNOWLEDGE SHARING

LIÊN KẾT XUẤT BẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH MCBOOKS

- 📍 **Địa chỉ:** Ô số E34, Khu đấu giá 3ha, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- ☎ **Điện thoại:** 0986.066.630 - Máy bàn: (024).3792.1466
- ✉ **Góp ý về nội dung sách:** contact@mcbooks.vn
- 👤 **Liên hệ hợp tác kinh doanh:** salesmanager@mcbooks.vn
- 🌐 **Website:** www.mcbooks.vn

📘 **Fanpage Facebook:**
<https://www.facebook.com/mcbooksvn>



🎵 **TikTok**
MCBooks - Chuyên sách ngoại ngữ



📺 **Kênh Youtube:**
<https://www.youtube.com/@MCbooksvn>



**QUÉT
MÃ
QR
ĐỂ
TRUY
CẬP**

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của Quý độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

The Changmi
TUYẾT MAI - Chủ biên

TỰ HỌC TIẾNG HÀN DÀNH CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

LỜI NÓI ĐẦU

머리말

Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc ngày một phát triển trên nhiều lĩnh vực kể từ khi thiết lập mối quan hệ ngoại giao chính thức... Có nhiều công ty, doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam và số lượng du học sinh, lao động xuất khẩu sang Hàn Quốc cũng tăng nhanh. Chính vì vậy nhu cầu học tiếng Hàn để tìm hiểu về đất nước, con người và nền văn hoá Hàn Quốc đồng thời phục vụ cho công việc đang là một nhu cầu chính đáng của nhiều người Việt Nam hiện nay. Cuốn “Tự học tiếng Hàn cho người mới bắt đầu” là một giáo trình thật sự cần thiết và hữu ích cho bạn đọc với rất nhiều ưu điểm nổi bật.

Đây là cuốn sách đầu tiên dành cho người mới làm quen với tiếng Hàn và được hệ thống theo các chủ đề, xen kẽ là các ngữ pháp căn bản để người học có thể nắm bắt một cách dễ dàng. Bên cạnh đó chúng tôi cũng có phiên âm theo âm chuẩn và âm bồi tiếng Việt để người học dễ tiếp cận hơn.

Hi vọng cuốn sách này sẽ giúp ích cho tất cả các bạn đang học, nghiên cứu và đam mê văn hoá Hàn Quốc (phim ảnh, ca nhạc...) có thể sử dụng, nghiên cứu và học một cách nhanh nhất.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã cố gắng hết sức song chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự chân thành góp ý để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Ban biên tập sách ngoại văn

BÀI MỞ ĐẦU

예비편: 한글





Bộ chữ Hankul được vua Sejong sáng lập vào năm 1443 và đến năm 1446 được sử dụng rộng rãi. Cấu thành nên hệ thống nguyên âm có 3 nét chính:  (tượng trưng cho mặt trời),  (tượng trưng cho mặt đất) và  (tượng trưng cho con người). Nguyên lý của bộ chữ Hankul này bao gồm Nguyên âm (모음) và Phụ âm (자음).

Phần nguyên âm gồm có 21 nguyên âm trong đó có 10 nguyên âm đơn và 11 nguyên âm kép.

Phần phụ âm gồm có 19 phụ âm trong đó có 14 phụ âm đơn và 5 phụ âm kép.

Sau đây xin được giới thiệu về bộ chữ cái Hankul, bao gồm cả phiên âm chuẩn và phiên âm tiếng Việt.



Chú ý:

- Trong tiếng Hàn không có 2 âm /f/, /v/.
- Tiếng Hàn có âm thường, âm kép và âm bật hơi.
- Tiếng Hàn có sự nối âm và biến đổi âm.
- Tiếng Hàn có từ thuần Hàn, từ Hán Hàn và từ ngoại lai.



1. NGUYÊN ÂM

모음



Nguyên âm đơn (10 nguyên âm đơn)

Stt	Nguyên âm	Phiên âm
1	ㅏ	a a
2	ㅑ	ya ya
3	ㅓ	eo ơ
4	ㅕ	yeo ơ
5	ㅗ	o ô

Stt	Nguyên âm	Phiên âm
6	ㅛ	yo yô
7	ㅜ	u u
8	ㅠ	yu yu
9	ㅡ	eu ư
10	ㅣ	i i



Nguyên âm kép (11 nguyên âm kép)

Stt	Nguyên âm	Phiên âm
1	ㅘ	ae ê
2	ㅙ	yae ye
3	ㅚ	e ê

Stt	Nguyên âm	Phiên âm
4	ㅜㅓ	ye yê
5	ㅜㅗ	wa oa
6	ㅜㅙ	oae uê



Stt	Nguyên âm	Phiên âm
7		we(oe) uê
8		uo uơ
9		we wê

Stt	Nguyên âm	Phiên âm
10		wi uy
11		ui ưi



Chú ý:

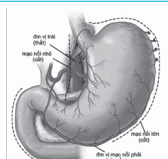
Trong phần nguyên âm của tiếng Hàn, người ta chia làm 2 cụm nguyên âm. Đó là cụm nguyên âm theo phương đứng và cụm nguyên âm theo phương ngang.

+ Cụm nguyên âm thẳng đứng là

+ Cụm nguyên âm nằm ngang là



Luyện tập đọc

우유 <i>U yu</i> U yu		Sữa
아이 <i>A i</i> A i		Đứa bé
이유 <i>I yu</i> I yu		Lí do
오이 <i>O i</i> Ô i		Dưa chuột
이 <i>I</i> i		Răng
위 <i>Wi</i> uy		Dạ dày
여우 <i>Yeo u</i> Yơ u		Con cáo



여유 <i>Yeo yu</i> Yư yư		Dư thừa
왜 <i>Oae</i> Ơê		Tại sao
와 <i>Wa</i> Ơa	&	Và

2. PHỤ ÂM 자음



Phụ âm đơn (14 phụ âm đơn)

STT	Phụ âm đơn	Phiên âm la tinh	Tiếng Việt	Tên gọi
1	ㄱ	k/g	k / g	기역 Giyeok
2	ㄴ	n	n	니은 Nieun
3	ㄷ	t/d	t	디귄 Digeut
4	ㄹ	r/l	r / l	리을 Rieul
5	ㅁ	m	m	미음 Mieum
6	ㅂ	p/b	b	비읍 Bieup
7	ㅅ	s/sh	s	시옷 Siot
8	ㅇ	ng	ng	이응 Ieung
9	ㅈ	j	ch	지읒 Jieut
10	ㅊ	ch	ch (phát âm mạnh hơn ch)	치읒 Chieut
11	ㅋ	kh	kh	키읒 Kieut



STT	Phụ âm đơn	Phiên âm la tinh	Tiếng Việt	Tên gọi
12	ㅌ	th	th	티을 Thieut
13	ㅍ	p	p	피을 Pieup
14	ㅎ	h	h	히을 Hieut



Phụ âm kép (5 phụ âm kép)

STT	Phụ âm kép	Phiên âm la tinh	Tiếng Việt	Tên gọi
1	ㄲ	k'	kk	쌍기억 Ssang-giyeok
2	ㄸ	t'	tt	쌍디글 Ssang digeut
3	ㅃ	p'	pp	쌍비을 Ssang-bieup
4	ㅆ	s'	ss	쌍시옷 Ssang-siot
5	ㅈㅈ	ch'	(Ch)	쌍지옷 Ssang-jieut

*Phụ âm kép phát âm mạnh hơn gấp 2 lần phụ âm đơn.



3. PHỤ ÂM CUỐI 받침

STT	Phụ âm cuối		Phát âm	Phiên âm
1	ㄱ, ㄲ, ㅋ	ㄱ, ㄴ	ㄱ	-k
2	ㄴ	ㄴ, ㄹ	ㄴ	-n
3	ㄷ, ㅌ, ㅍ, ㅊ, ㅌ, ㅍ, ㅊ, ㅌ, ㅍ		ㄷ	-t
4	ㄹ	ㄹ, ㄴ, ㄹ, ㄴ	ㄹ	-l
5	ㅁ	ㅁ	ㅁ	-m
6	ㅂ, ㅍ	ㅂ, ㅍ, ㅂ	ㅂ	-p
7	ㅇ		ㅇ	-ng

Ví dụ:

값 -> [갑]

kap

kap

안다 -> [안따]

andda

an tta

흙 -> [흑]

heuk

huk

절다 -> [절따]

Jeoldda

chol tta

밖 -> [박]

bak

bak

일다 -> [일따]

Ildda

Il tta



꽃 -> [꼉]

kkot

kkôt

방 -> [방]

bang

bang

숲 -> [습]

sup

sup

부엌 -> [부억]

Bueok

Bu ưk

NGUYÊN ÂM		ㅏ	ㅑ	ㅓ	ㅕ	ㅗ	ㅛ	ㅜ	ㅠ	ㅡ	ㅣ
PHỤ ÂM		[a]	[ya]	[o]	[yo]	[ô]	[yô]	[u]	[yu]	[ư]	[i]
ㄱ [기역]	k/g	가	가	거	겨	고	교	구	규	그	기
ㄴ [니은]	n	나	냐	너	녀	노	뇨	누	뉴	느	니
ㄷ [디귤]	t/d	다	다	더	더	도	도	두	듀	드	디
ㄹ [리을]	r/l	라	라	러	려	로	료	루	류	르	리
ㅁ [미음]	m	마	마	머	며	모	묘	무	뮤	므	미
ㅂ [비읍]	p/b	바	바	버	며	보	묘	부	뷰	브	비
ㅅ [시옷]	s/sh	사	샤	서	셔	소	쇼	수	슈	스	시



ㅇ [이응]	ng	아	야	어	여	오	요	우	유	으	이
ㅈ [지읒]	j	자	쟈	저	ژه	조	죤	주	쥬	즈	지
ㅊ [치읓]	ch	차	챤	처	چه	초	쵸	추	쥬	츠	치
ㅋ [키읔]	kh	카	카	커	케	코	코	쿠	큐	크	키
ㅌ [티읕]	th	타	타	터	테	토	토	투	튜	트	티
ㅍ [피읖]	p	파	파	페	페	포	표	푸	퓨	프	피
ㅎ [히읇]	h	하	하	허	헤	호	효	후	휴	흐	히



4. QUY TẮC VIẾT CHỮ TIẾNG HÀN QUỐC

글자 만들기



1. Cách ghép của nguyên âm

○

Nguyên âm

Ví dụ:

○ + ㅏ = 아	○ + ㅑ = 애	○ + ㅓ = 에
○ + ㅗ = 야	○ + ㅛ = 여	○ + ㅜ = 예

○

Nguyên âm

Ví dụ:

○ + ㅡ = 으	○ + ㅓ = 오	○ + ㅛ = 요
○ + ㅗ = 유	○ + ㅜ = 우	

○

Nguyên âm

Nguyên âm

Ví dụ:

○ + ㅓ + ㅣ = 외	○ + ㅜ + ㅓ = 위
○ + ㅓ + ㅓ = 와	○ + ㅜ + ㅓ = 웨
○ + ㅓ + ㅑ = 왜	○ + ㅜ + ㅣ = 위



2. Cách ghép phụ âm và nguyên âm

Phụ âm

Nguyên âm

Ví dụ:

ㄱ + ㅏ = 가	ㅁ + ㅑ = 매	ㅎ + ㅣ = 히
ㄴ + ㅓ = 너	ㄷ + ㅕ = 려	ㅂ + ㅗ = 바

Phụ âm

Nguyên âm

Ví dụ:

ㄱ + ㅓ = 고	ㅅ + ㅓ = 소	ㅎ + ㅡ = 흐
ㄴ + ㅓ = 누	ㅁ + ㅓ = 묘	ㅌ + ㅓ = 투

Nguyên âm

Phụ âm

Ví dụ:

ㅇ + ㅡ + ㅁ = 음	ㅇ + ㅓ + ㄷ = 을
ㅇ + ㅓ + ㅇ = 응	ㅇ + ㅓ + ㄴ = 운
ㅇ + ㅓ + ㅌ = 툼	ㅇ + ㅡ + ㅂ = 읊



3. Cách ghép phụ âm + nguyên âm + phụ âm

Phụ âm	Nguyên âm
Phụ âm	

Ví dụ:

ㅂ + ㅏ + ㅅ = 방	ㄱ + ㅏ + ㄱ = 깍
ㄱ + ㅓ + ㅁ = 검	ㅎ + ㅓ + ㄷ = 할
ㄷ + ㅏ + ㄷ = 달	ㅁ + ㅏ + ㄹ = 많

Phụ âm
Nguyên âm
Phụ âm

Ví dụ:

ㄷ + ㅡ + ㄷ = 들	ㄷ + ㅡ + ㄷ = 뉘
ㅇ + ㅓ + ㅈ = 옷	ㅁ + ㅓ + ㄷ = 뉘
ㄱ + ㅓ + ㄱ = 국	ㅇ + ㅏ + ㄹ = 많

- Quy tắc phát âm



a. Ngoài âm “예, 레”, các âm “ㅋ” còn lại đọc là [기]

게시다 -> [게시다/게시다]

[kesida/kyesida]

[kê si ta/ kyê si ta]

시계 -> [시계/시계]

[sike/ sikye]

[si kê/ si kyê]



지혜 -> [지혜/지혜]

[jihe/jihye]

[chi hê/ chi hyê]

혜택 -> [혜택/혜택]

[hethaek/ hyethaek]

[hê thek/ hyê thek]

b. Âm ‘ㄴ’ đọc là

- ‘ㄴ’ nếu đứng trước là phụ âm

떠어쓰기 -> [떠어쓰기]

[ddieosseuki]

[tti ơ ssu ki]

무늬 -> [무늬]

[muni]

[mu ni]

희망 -> [희망]

[himang]

[hi mang]

주의 -> [주의]

[jui]

[chu i]

- ‘ㄴ’ nếu đứng trước là phụ âm câm ㅇ và đứng đầu âm tiết

의자 -> [의자]

[uija]

[ui cha]

의사 -> [의사]

[uisa]

[ui sa]

의견 -> [의견]

[uikyeon]

[ui kyeon]

의과 -> [의과]

[uikwa]

[ui koa]

- ‘에’ nếu có nghĩa là “của”

우리의 -> [우리에]

[urie]

[u ri ê]

의자의 -> [의자에]

[uijae]

[ui cha ê]



c. Khi đọc 6 âm sau tuyệt đối không được ngậm miệng

(Lưu ý: đọc như âm 'oo' trong tiếng Việt)

영 - eong	옥 - uk	옹 - ong
억 - eok	웅 - ung	욱 - ok